

Số: 18 /2014/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài

chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 16/TTr-STC ngày 14 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: TC, TN&MT;
- Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- Bộ tư lệnh Quân khu 9;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh TG;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PVP;
- Trưởng các phòng NC;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, Lam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nghĩa

QUY ĐỊNH

Hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Hệ số điều chỉnh giá đất là tỷ lệ giữa giá đất chuyển nhượng thực tế (mang tính phổ biến) trên thị trường trong điều kiện bình thường tại thời điểm xác định so với giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Hiện nay, giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định là giá đất theo Quyết định số Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND hoặc ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND thì áp dụng theo các Quyết định đó.

Điều 2. Các trường hợp áp dụng và đối tượng áp dụng

1. Xác định giá đất để tính thu tiền sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao đất) đất ở khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với đất đang sử dụng có hiện trạng là đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất đang sử dụng không phải là đất ở sang đất ở (phần vượt hạn mức) đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại tiết a, điểm 1.5 (1.5.2) khoản 1, Điều 1 Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 7/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất (gọi tắt là Thông tư số 93/2011/TT-BTC).

2. Xác định giá đất để tính thu tiền thuê đất (trả tiền thuê đất hàng năm) đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại tiết b, điểm 4.2, khoản 4, Điều 1 Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (gọi tắt là Thông tư số 94/2011/TT-BTC).

3. Xác định giá đất để tính thu tiền thuê đất (trả tiền thuê đất hàng năm) đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài theo quy định tại tiết b, điểm 4.1 (4.1.2), khoản 4, Điều 1 Thông tư số 94/2011/TT-BTC.

4. Điều chỉnh đơn giá thuê đất khi hết thời kỳ ổn định trong trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài và hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm 5.2, khoản 5, Điều 1 Thông tư số 94/2011/TT-BTC.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Đối với thành phố Mỹ Tho

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

b) Đối với đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

c) Đối với đất ở tại các tuyến đường giao thông chính, đất ở tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh tại các tuyến đường giao thông chính, đất sản xuất kinh doanh tại đô thị:

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Từ	Đến	
I	Tên đường			
1	Lê Lợi	30/4	Thủ Khoa Huân	1,1
		Thủ Khoa Huân	Ngô Quyền	1,2
		Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	1,1
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Tri Phương	1,1
2	Đường 30/4	Trộn đường		1,1
3	Thiên Hộ Dương	Trộn đường		1,0
4	Rạch Gầm	Trộn đường		1,1
5	Huyện Thoại	Trộn đường		1,0
6	Thủ Khoa Huân	Cầu Quay	Hùng Vương	1,2

		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,1
7	Lý Công Uẩn	Trộn đường		1,1
8	Lê Văn Duyệt	Công chợ	Lê Lợi	1,2
	Lê Văn Duyệt	Lê Lợi	Trương Định	1,0
9	Lê Đại Hành	Nguyễn Huệ	Lê Lợi	1,1
		Lê Lợi	Hùng Vương	1,1
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,1
10	Lê Thị Phi	Trộn đường		1,1
11	Ngô Quyền	Nguyễn Tri Phương	Hùng Vương	1,1
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,1
12	Nguyễn Trãi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hùng Vương	1,1
		Hùng Vương	Câu Nguyễn Trãi	1,1
13	Nguyễn Tri Phương	Ngô Quyền	Hùng Vương	1,0
		Hùng Vương	Trần Quốc Toản	1,1
		Trần Quốc Toản	Khu bên trái cây	1,1
14	Trung Trắc	30/4	Thủ Khoa Huân	1,1
		Thủ Khoa Huân	Lê Thị Phi	1,1
		Lê Thị Phi	Ngô Quyền	1,1
15	Võ Tánh (Nam), Võ Tánh (Bắc)	Trộn đường		1,2
16	Lãnh Binh Cản	Trộn đường		1,0
17	Nguyễn Bình Khiêm	Trộn đường		1,0
18	Trương Định	Trộn đường		1,0
19	Nguyễn Huệ	Lý Công Uẩn	Lê Thị Phi	1,2
		Lê Thị Phi	Ngô Quyền	1,2
		Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	1,1
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Tri Phương	1,1
20	Hùng Vương	Rạch Gầm	Nguyễn Tri Phương	1,1

		Cầu Hùng Vương	Đường huyện 92C, đường huyện 89	1,1
		Đường huyện 92C, đường huyện 89	Quốc lộ 50	1,1
21	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nguyễn Trãi	30/4	1,2
		30/ 4	Bờ Sông Tiền	1,1
22	Huỳnh Tịnh Của	Trộn đường		1,0
23	Phan Hiến Đạo	Trộn đường		1,0
24	Trương Vĩnh Ký	Trộn đường		1,0
25	Lê Văn Thạnh	Trộn đường		1,0
26	Giồng Dứa	Trộn đường		1,0
27	Trần Quốc Toàn	Trộn đường		1,1
28	Yersin	Trộn đường		1,1
29	Tết Mậu Thân	Trộn đường		1,1
30	Đường nối từ đường Tết Mậu Thân đến Đông Đa (hẻm 199 - khu phố 5 - phường 4)			1,0
31	Đông Đa	Lý Thường Kiệt	Áp Bắc	1,0
32	Đông Đa nối dài	Áp Bắc	Cầu Triển Lãm	1,1
33	Trần Hưng Đạo	Áp Bắc	Lý Thường Kiệt	1,1
		Lý Thường Kiệt	Lê Thị Hồng Gấm	1,1
		Lê Thị Hồng Gấm	Bờ Sông Tiền	1,0
34	Dương Khuy	Trộn đường		1,0
35	Lý Thường Kiệt	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Áp Bắc	1,1
36	Đường nội bộ khu dân cư Sao Mai			1,0
37	Đoàn Thị Nghiệp	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Thập	1,0
		Nguyễn Thị Thập	Đường 870B	1,0
38	Lộ Tập đoàn	Trộn đường		1,0
39	Trần Ngọc Giải	Trộn đường		1,0
40	Phan Lương Trực	Lê Văn Phẩm	Kênh Xáng cụt	1,0
41	Lê Văn Phẩm	Trộn đường		1,0
42	Lê Thị Hồng Gấm	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bến phà (đường xuống phà)	1,1

		Bến phà (đường xuống phà)	Trương Chính trị	1,1
		Đường xuống phà		1,0
		Đường lên phà		1,0
43	Khu vực chợ Vòng nhỏ - phường 6			1,0
44	Áp Bắc	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trần Hưng Đạo	1,1
		Trần Hưng Đạo	Cầu Đạo Ngạn	1,1
		Cầu Đạo Ngạn	Nguyễn Thị Thập	1,1
		Nguyễn Thị Thập	Vòng xoay Trung Lương	1,0
45	Hoàng Việt	Áp Bắc	Lý Thường Kiệt	1,0
46	Trừ Văn Thố	Hoàng Việt	Lý Thường Kiệt	1,0
47	Hồ Văn Nhánh	Áp Bắc	Nguyễn Thị Thập	1,0
48	Nguyễn Thị Thập	Lê Thị Hồng Gấm	Áp Bắc	1,0
49	Đường vào và đường nội bộ khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng			1,0
50	Quốc lộ 1	Trộn đường		1,0
51	Phan Thanh Giản	Trộn đường		1,0
52	Trịnh Hoài Đức	Trộn đường		1,0
53	Độc Bình Kiều	Trộn đường		1,0
54	Nguyễn An Ninh	Trộn đường		1,0
55	Phan Bội Châu	Trộn đường		1,0
56	Nguyễn Huỳnh Đức	Trộn đường		1,0
57	Nguyễn Văn Nguyễn	Trộn đường		1,0
58	Thái Sanh Hạnh	Trộn đường		1,0
59	Đường nội bộ khu dân cư phường 9 (gò Ông Giã)			1,0
60	Thái Văn Đẩu	Trộn đường		1,0
61	Phan Văn Trị	Trộn đường		1,0
62	Cô Giang	Trộn đường		1,0
63	Ký Con	Trộn đường		1,0
64	Đình Bộ Lĩnh	Cầu Quay	Nguyễn Huỳnh Đức	1,1

		Nguyễn Huỳnh Đức	Thái Sanh Hạnh	1,1
		Thái Sanh Hạnh	Ngã ba Quốc Lộ 50	1,0
65	Đường vào Cảng cá	Trộn đường		1,0
66	Học Lạc	Trộn đường		1,0
67	Hoàng Hoa Thám	Trộn đường		1,0
68	Trần Nguyên Hãn	Trộn đường		1,0
69	Đường tỉnh 879 B	Trộn đường		1,0
70	Nguyễn Văn Giác	Trộn đường		1,0
71	Nguyễn Trung Trục	Trộn đường		1,0
72	Đường tỉnh 879	Trộn đường		1,0
73	Khu chợ Phường 4			1,1
74	Quốc lộ 50	Trộn đường		1,0
75	Quốc lộ 50 (tuyến tránh TP Mỹ Tho)	Trộn đường		1,0
76	Đường Bắc từ Tân Thuận - Tân Hòa, phường Tân Long			1,0
77	Đường Nam và đoạn còn lại của đường Bắc, phường Tân Long			1,0
78	Đường 870B	Trộn đường		1,0
79	Đường 864	Đoạn qua thành phố Mỹ Tho		1,0
80	Các đường trong khu dân cư Bình Tạo	Đường chính vào khu dân cư Bình Tạo (từ đường 870B và 864 đi vào)		1,0
		Đường phụ trong khu dân cư Bình Tạo		1,0
81	Đường huyện 92	Nguyễn Minh Đường	Quốc lộ 1A	1,0
82	Đường huyện 92B	Quốc lộ 50	Bia Thành Đội	1,0
83	Đường huyện 92C	Cầu Triển Lãm	Ngã tư Hùng Vương	1,0
84	Đường huyện 92D	Cầu Đạo Thạnh	Quốc lộ 50	1,0
85	Đường huyện 92E	Đường huyện 92	Sông Bảo Định	1,0
86	Đường huyện 94	Đường tỉnh 870B	Rạch Cái Ngang	1,0
87	Đường huyện 94B	Nguyễn Thị Thập	Đường tỉnh 870B	1,0
88	Đường huyện 89	Trộn đường		1,0

89	Đường huyện 90	Trộn đường		1,0
90	Trần Thị Thơm	Trộn đường		1,0
91	Nguyễn Quân	Áp Bắc	Cầu Đạo Thạnh	1,0
92	Đường huyện 86	Quốc lộ 50	Sông Tiền	1,0
93	Đường huyện 86B	Quốc lộ 50	Kênh Bình Phong	1,0
94	Đường huyện 86C	Quốc lộ 50	Kênh Bình Phong	1,0
95	Đường huyện 86D	Quốc lộ 50	Sông Tiền	1,0
96	Nguyễn Ngọc Ba (đường cặp Trường Chính trị tỉnh)			1,0
97	Đường Xóm Dầu (phường 3)			1,0
98	Đường liên khu phố 6 - khu phố 7, phường 5			1,0
99	Đường vào Trường Học Lạc	Nguyễn Văn Nguyễn	Công khu phố 6 - 7	1,0
		Đoạn vào khu tái định cư		1,0
100	Đường vào hăng nước mắm Nam Phát	Đình Bộ Lĩnh	Bờ Sông Tiền	1,0
101	Đường tỉnh 870	Trộn đường		1,0
102	Đường vào Khu dân cư và nội ô Khu phố Trung Lương			1,0
103	Đường Phan Văn Khỏe			1,0
104	Đường Nguyễn Minh Đường			1,0
105	Đường huyện 93			1,0
106	Đường vào chùa Vĩnh Tràng			1,0
107	Đường vào khu thủy sản			1,0
108	Đường vào Vựa lá Thanh Tòng cũ			1,0
109	Đường vào trung tâm hành chính phường 10			1,0
110	Đường tổ 3, khu phố Trung Lương, phường 10			1,0
111	Đường vào khu nhà ở thuộc kho 302, xã Trung An			1,0
112	Đường cặp Viện Bảo Tàng			1,0
113	Đường huyện 95, xã Trung An			1,0
114	Đường huyện 87, xã Tân Mỹ Chánh			1,0

115	Đường huyện 87B, xã Tân Mỹ Chánh	1,0
116	Đường huyện 88	1,0
117	Đường huyện 90B	1,0
118	Đường huyện 90C	1,0
119	Đường huyện 90D	1,0
120	Đường huyện 90E	1,0
121	Đường huyện 91, xã Mỹ Phong	1,0
122	Đường Kênh Nôi, xã Tân Mỹ Chánh	1,0
123	Đường Cột cờ, xã Đạo Thạnh	1,0
124	Đường N3, ấp Phong Thuận và Bình Phong, Tân Mỹ Chánh	1,0
125	Đường Bình Lợi 1, xã Tân Mỹ Chánh	1,0
126	Đường vào Xí nghiệp dệt, phường 9	1,0
127	Đường vào Trung tâm hành chính phường 9	1,0
128	Đường vào Công ty may Tiền Tiến	1,0
II	Khu tái định cư, khu dân cư	
1	Đất Khu dân cư Vườn Thuộc Nam, phường 6	1,0
2	Đất Khu Tái định cư kênh Xáng cụt phường 6	1,0
3	Đất Khu Tái định cư Cảng cá	1,0
4	Đất Khu tái định cư chùa Bửu Lâm	1,0
5	Đất Khu tái định cư nạo vét rạch Bạch Nha	1,0

2. Đối với thị xã Gò Công

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

b) Đối với đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

c) Đối với đất ở tại các tuyến đường giao thông chính, đất ở tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh tại các tuyến đường giao thông chính, đất sản xuất kinh doanh tại đô thị:

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Từ	Đến	
Đất ở tại mặt tiền các tuyến đường giao thông chính				
1	Quốc lộ 50	Cầu Sơn Quy	Phà Mỹ Lợi	1,0
2	Đường tỉnh 873	Ngã ba đường tỉnh 873 – đường huyện 13	Bến đò Bình Xuân	1,0
		Bến đò Bình Xuân	Cầu Rạch Bểng	1,0
		Cầu Rạch Bểng	Ngã ba QL 50-Đường tỉnh 873	1,0
3	Đường tỉnh 873B	Cầu Ông Non	Cầu Kênh Bình Đông 1	1,0
		Cầu Kênh Bình Đông 1	Đê bao Gò Công	1,0
		Đê bao Gò Công	Cống Đập Gò Công	1,0
4	Đường huyện 14	- Cầu Bình Thành (Thành Nhì)	- Cầu Xóm Dừa (đường đê)	1,0

STT	Đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh
		Từ	Đến	
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 1				
1	Hai Bà Trưng	Cầu Long Chánh	Trần Hưng Đạo	1,1
2	Trương Định	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	1,0
		Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	1,1
3	Nguyễn Huệ	Võ Duy Linh	Thủ Khoa Huân	1,1
4	Lý Tự Trọng	Toàn tuyến		1,1
5	Rạch Gầm	Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1,0

		Đoạn còn lại		1,0
6	Lê Lợi	Hai Bà Trưng	Phan Bội Châu	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
7	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ	Hai Bà Trưng	1,0
8	Phan Bội Châu	Trương Định	Trần Hưng Đạo	1,0
9	Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyển		1,0
10	Lý Thường Kiệt (Duy Tân cũ)	Toàn tuyển		1,0
11	Bạch Đằng	Toàn tuyển		1,0
12	Phan Chu Trinh	Phan Đình Phùng	Trần Hưng Đạo	1,0
13	Phan Đình Phùng	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	1,0
14	Võ Duy Linh	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	1,1
		Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	1,1
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 2				
Khu vực cận trung tâm				
1	Nguyễn Huệ	Thủ Khoa Huân	Hai Bà Trưng	1,0
		Hai Bà Trưng	Ngã tư Bình Ân	1,0
		Võ Duy Linh	Cầu Cây	1,0
2	Thủ Khoa Huân	Hai Bà Trưng	Tim cầu Kênh Tinh	1,0
3	Trần Hưng Đạo	Hai Bà Trưng	Nguyễn Trọng Dân	1,0
4	Trương Định	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Học	1,1
		Nguyễn Thái Học	Trần Công Tường	1,0
5	Nguyễn Văn Côn	Lý Thường Kiệt	Ngã tư Bình Ân	1,0
6	Nguyễn Trọng Dân	Toàn tuyển		1,0
7	Nguyễn Trãi	Toàn tuyển		1,0
8	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	1,0
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Huệ	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
9	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	1,0

10	Lưu Thị Dung	Toàn tuyến		1,0
11	Phan Chu Trinh	Trần Hưng Đạo	Lưu Thị Dung	1,0
12	Phan Đình Phùng	Trần Hưng Đạo	Lưu Thị Dung	1,0
13	Ngô Tùng Châu	Nguyễn Huệ	Nhà trẻ Hòa Bình	1,0
		Nhà trẻ Hòa Bình	Hẻm số 2	1,0
		Hẻm số 2	Hẻm số 3	1,0
		Đoạn còn lại		1,0
14	Nguyễn Tri Phương	Trần Hưng Đạo	Lưu Thị Dung	1,0
15	Đồng Khởi	Cầu Long Chánh	Tìm đường Hồ Biểu Chánh	1,0
16	Quốc lộ 50	Tìm đường Hồ Biểu Chánh	Đường tỉnh 873B	1,0
17	Nguyễn Trọng Hợp	Toàn tuyến		1,0
18	Võ Thị Lớ (hẻm 11 phường 4 cũ)	Đồng Khởi	Hồ Biểu Chánh	1,0
		Còn lại		1,0
19	Nguyễn Thái Học	Toàn tuyến		1,0
20	Phạm Ngũ Lão	Toàn tuyến		1,0
21	Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		1,0
22	Đường vào Trại giam cũ	Toàn tuyến		1,0
23	Lý Thường Kiệt	Điện Lực (Nguyễn Văn Côn)	Đầu đường Lê Lợi	1,0
24	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trọng Dân	Hồ Biểu Chánh (vành đai phía Bắc)	1,0
25	Đường nội bộ khu dân cư dự án đường Trương Định nối dài (giai đoạn 1)			1,0
26	Đường nội bộ khu dân cư dự án đường Trương Định nối dài (giai đoạn 2)			1,0
27	Nguyễn Trường Tộ	Toàn tuyến		1,0
28	Đường Ao Thiếc	Toàn tuyến		1,0
29	Đường má Cà trượng	Toàn tuyến		1,0

30	Đường Tết Mậu Thân	Toàn tuyến		1,0
31	Đường vào khu dân cư Ao Cá Bác Hồ			1,0
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 3				
Khu vực ven nội thị				
1	Thủ Khoa Huân (đường tỉnh 862)	Tim cầu Kênh Tỉnh	Ngã ba Thủ Khoa Huân - Trần Công Tường	1,0
		Ngã ba Thủ Khoa Huân - Trần Công Tường	Tim Ngã ba Tân Xã	1,0
2	Đường tỉnh 862 đi Tân Hòa	Tim Ngã ba Tân Xã	Tim cầu Kênh 14	1,0
		Tim cầu Kênh 14	Ngã ba Việt Hùng	1,0
3	Quốc lộ 50	Tim ngã ba Đường tỉnh 873B (Giếng nước)	Ngã ba Thành Công (hết ranh thị xã Gò Công)	1,0
		Ngã ba Hồ Biểu Chánh - QL 50	Cầu Sơn Qui	1,0
4	Hồ Biểu Chánh	Toàn tuyến		1,0
5	Đường Từ Dũ	Toàn tuyến		1,0
6	Phùng Thanh Vân (Đường tỉnh 873B)	Giếng nước	Cống Rạch Rô cũ	1,0
		Cống Rạch Rô cũ	Ngã ba đê bao cũ	1,0
		Ngã ba đê bao cũ	Cống đập Gò Công	1,0
7	Trần Công Tường (Đường tỉnh 862)	Ngã ba giao QL 50 (bên xe phở 4)	Cầu Nguyễn Văn Côn	1,0
		Cầu Nguyễn Văn Côn	Ngã tư Võ Duy Linh	1,0
		Ngã tư Võ Duy Linh	Ngã 3 Thủ Khoa Huân	1,0
8	Đường huyện 15	Ngã ba Trần Công Tường (ĐT 862)	Giáp ranh Yên Luông	1,0
9	Đường Võ Văn Kiệt (đường tỉnh 877)	Ngã ba Trần Công Tường (ĐT 862)	Ranh phường 5	1,0
		Ranh phường 5	Tim ngã ba đường Giồng Cát (Bà Lễ)	1,0

		Đoạn còn lại		1,0
10	Nguyễn Thìn (Đường huyện 03)	Ngã tư Bình Ân	Ngã ba Xóm Rạch	1,0
		Ngã ba Xóm Rạch	Ngã ba Xóm Dinh	1,0
		Ngã ba Xóm Dinh	Cầu Xóm Sọc	1,0
11	Mạc Văn Thành (Đường đi Tân Tây Đường tỉnh 871)	Ngã tư Bình Ân	Đầu sân bay trên ranh phường 3, Long Hưng	1,0
		Đầu sân bay trên ranh phường 3, Long Hưng	Cây xăng Minh Tân (hết ranh phía Đông)	1,0
		Cây xăng Minh Tân	Ranh xã Tân Đông	1,0
12	Đường Tân Đông Cầu Bà Trà	Đoạn ngã ba đường (Quốc lộ 50)	Kênh Địa Quao	1,0
		Kênh Địa Quao	Mạc Văn Thành (Đường tỉnh 871)	1,0
13	Đường tỉnh 873	Ngã ba Thành Công	Ngã ba đường tỉnh 873 – Đường huyện 13	1,0
14	Đường Võ Duy Linh	Tim cầu Huyện Chi	Tim ngã ba đường Hoàng Tuyển	1,0
		Tim ngã ba đường Hoàng Tuyển	C19 Biên Phòng	1,0
		C19 Biên Phòng	Ranh huyện Gò Công Tây	1,0
15	Đường Hoàng Tuyển	Toàn tuyến		1,0
16	Đường Lãng Hoàng Gia	Toàn tuyến		1,0
17	Đường huyện 98	Ngã ba đường tỉnh 873	Ngã ba đường tỉnh 873	1,0
18	Kênh Năm Cơ	Toàn tuyến		1,0

3. Đối với huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, huyện Chợ Gạo, huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, huyện Gò Công Tây, huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phú Đông:

a) Đối với đất nông nghiệp thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

b) Đối với đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn (trừ các tuyến đường giao thông chính) thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

c) Đối với đất ở tại các tuyến đường giao thông chính, đất ở tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh tại các tuyến đường giao thông chính, đất sản xuất kinh doanh tại đô thị thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0 lần giá đất ở tại các tuyến đường giao thông chính, đất ở tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh tại các tuyến đường giao thông chính, đất sản xuất kinh doanh tại đô thị do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế để xác định giá đất để tính đơn giá thuê đất từng dự án cụ thể thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh: xác định thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và tính khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tổ chức kiểm tra việc thực hiện ở các địa phương để giải quyết và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất; tiền thuê đất.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã:

a) Chi đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục Thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với hộ gia đình và cá nhân./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *lmc*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



al

Lê Văn Nghĩa